Frekvens		Våglängd		Egenskaper/ användning
300	Hz	100	mil	
1	kHz	300	km	ULF
3	kHz	100	km -	
10	kHz	30	km	VLF
30	kHz	10	km -	
100	kHz	3	km	LF
300	kHz	1	km -	
*	MHz	300	m	MF
3	MHz	100	m -	
10	MHz	30	m	HF o
30	MHz	10	m -	- 70 m
100	MHz	3	m	VHF c
300	MHz	1	m -	
1	GHz	300	mm	UHF
3	GHz	100	mm -	
10	GHz	30	mm	SHF
30	GHz	10	mm -	
100	GHz	3	mm	
300	GHz	1	mm -	<u></u>
4	THz	300	μm	
3	Thz	100	μm	Infrarött
10	THZ	30	μ m	ljus
30	THz	10	μ m	(värme-
100	THz	3	μ m	strålning)
300	THZ	1	μm -	Synligt ljus
1	PHz	300	nm	
3	PHz	100	nm	Ultraviolett
10	PHZ	30	nm	ljus
30	PHz	10	nm -	
100	PHz	3	nm	Rönt-
300	PHz	1	nm	gen-
1	EHz	300	pm	strålning
3	EHz	100	pm	
10	EHZ	30	pm	Gamma-
30	EHz	10	pm	strål-
100	EHz	3	pm	ning
300	EHz	1	pm	